

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Sau khi xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đánh giá: Tình hình kinh tế - xã hội năm 2015 có những chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả quan trọng trên hầu hết các lĩnh vực, cơ bản hoàn thành mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết HĐND tỉnh. Các nhiệm vụ đột phá chiến lược, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng được đẩy mạnh và đạt một số kết quả nhất định. An sinh xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân được cải thiện.

Để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2016, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XXI và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020; Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, địa phương tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết của Tỉnh ủy; đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

I. Các chỉ tiêu chủ yếu

1. Các chỉ tiêu về kinh tế

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng 10% so với năm 2015.
- Thu nội địa tăng 10% so với năm 2015.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 15%.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm trên 31% GRDP.

2. Các chỉ tiêu về xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 2-2,5%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 56%, trong đó, lao động qua đào tạo nghề 47%.
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng nhẹ cân còn dưới 13%; suy dinh dưỡng thấp còi còn dưới 26,5%.
- Số giường bệnh trên một vạn dân đạt 29,8 giường/vạn dân (không tính giường bệnh y tế xã).
- Giải quyết việc làm mới tăng thêm trong nền kinh tế của tỉnh khoảng 15.000 người.
- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp khoảng 47,7%; công nghiệp xây dựng và dịch vụ 52,3%.

3. Các chỉ tiêu về môi trường, xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 50%.
- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 71,4%.
- Số cơ sở y tế hệ điều trị có hệ thống xử lý chất thải lỏng đạt 90%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 50,6%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93,4%.
- Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch đạt 98,4%.
- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom đạt 88%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 30%.

II. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Tập trung các nguồn lực, thực hiện tích cực, hiệu quả các giải pháp để hoàn thành vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2016.

1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả ba nhiệm vụ đột phá chiến lược gắn với cơ cấu lại và đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế để nâng cao chất lượng tăng trưởng, tạo tính bền vững trong phát triển kinh tế. Tập trung vốn, nhân lực để giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm. Huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tập trung thu hút các dự án đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ cao. Tiếp tục tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng nhất là đường giao thông, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, làng nghề. Từng bước giải quyết tình trạng thiếu nhà ở và hạ tầng xã hội thiết yếu tại các khu công nghiệp trọng điểm.

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh. Tập trung thực hiện tốt năm cải cách hành chính trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và cải cách tổ chức bộ máy nhà nước gắn với việc thực hiện quy định về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác hội nhập quốc tế và kinh tế đối ngoại.

2. Đẩy mạnh biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp nhất là giải pháp hỗ trợ thị trường, tiếp cận vốn tín dụng; chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường

xuất khẩu nhất là đối với các mặt hàng chủ lực có tiềm năng, lợi thế. Nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư, chú trọng khâu triển khai sau xúc tiến; đồng thời, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài. Tăng cường đầu tư năng lực sản xuất mới phát sinh, phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động các loại hình sản xuất kinh doanh ngoài ô tô để góp phần nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp, phát triển bền vững. Rà soát, trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Triển khai hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tạo sự chuyển biến rõ rệt về chỉ số sản xuất, năng lực cạnh tranh, ổn định thị trường và mô hình liên kết sản xuất. Phát triển nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp chế biến; thúc đẩy phát triển Hợp tác xã nông nghiệp theo hướng dịch vụ để tạo chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn; các giải pháp hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường.

Triển khai mạnh mô hình chăn nuôi gia trại, trang trại gắn với kiểm soát dịch bệnh, nâng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi; tiếp tục hỗ trợ phát triển dịch vụ thú y trọn gói; kiểm soát chặt chẽ hoạt động giết mổ. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển thủy sản theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP và Nghị định 89/2015/NĐ-CP của Chính phủ nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biển, đảo; tăng cường nguồn lực đầu tư hạ tầng thủy sản, sớm trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành thủy sản của tỉnh để tổ chức lại việc nuôi trồng thủy sản. Ưu tiên bố trí nguồn vốn tín dụng ưu đãi để từng bước đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và đa mục tiêu.

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 để đề ra giải pháp thực hiện giai đoạn 2016 – 2020; duy trì tính bền vững, ổn định đối với các xã đã đạt chuẩn. Sửa đổi tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở khu vực miền núi cho phù hợp với tình hình thực tiễn; đảm bảo tính khả thi; trong đó lồng ghép chương trình xây dựng nông thôn mới với giảm nghèo bền vững để đầu tư hạ tầng hỗ trợ sản xuất, phục vụ các yêu cầu giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, thu hẹp khoảng cách về bình quân tiêu chí nông thôn mới với vùng đồng bằng.

Trên cơ sở đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 55/2012/NQ-HĐND về chương trình tổng thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi giai đoạn 2013 – 2016, định hướng đến năm 2020 đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu của nghị quyết phù hợp thực tế; thực hiện cơ chế để lại một phần nguồn thu phát sinh từ hoạt động khai thác tài nguyên (bổ sung ngoài dự toán cân đối ngân sách hằng năm) cho các địa phương bị ảnh hưởng để khắc phục môi trường, đầu tư kết cấu hạ tầng. Đẩy nhanh tiến độ rà soát đề trình HĐND tỉnh điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng phù hợp thực tế, chuyển một số diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất, giao đất cho người dân nhất là khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đảm bảo giữ rừng, khai thác hiệu quả các lợi thế từ rừng. Tích cực chỉ đạo việc huy động nguồn lực, đồng thời tranh thủ nguồn vốn ngành điện để mở rộng điện lưới quốc gia phục vụ người dân ở vùng núi cao, tiến đến xóa dần các thôn chưa có điện theo lộ trình hợp lý.

4. Cơ cấu lại thu – chi ngân sách nhà nước bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi đầu tư, chi thường xuyên và chi trả nợ theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư; ưu tiên xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, hạn chế phát sinh thêm nợ mới; quản lý chặt chẽ việc tạm ứng ngân sách và chi chuyển nguồn, triệt để thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính – ngân sách. Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu, khai thác các nguồn thu có tính bền vững; thu đúng, thu đủ, có biện pháp thu nợ đọng thuế; chống chuyên giá, thất thu trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, xây dựng cơ bản vãng lai, kinh doanh khách sạn, sử dụng đất đai... Thống nhất chủ trương hằng năm dành một phần kinh phí để hỗ trợ hoạt động Hội thẩm nhân dân 02 cấp nhằm nâng cao chất lượng xét xử, giao UBND tỉnh cân đối hỗ trợ phù hợp.

5. Tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên để đạt mục tiêu phát triển bền vững; triển khai hình thức đấu thầu trong khai thác mới tài nguyên khoáng sản; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình thực hiện sau cấp phép, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm. Giải quyết tốt vấn đề môi trường ở các khu, cụm công nghiệp, làng nghề; chú trọng xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế. Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển, đảo, có giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người có công, người nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, đảm bảo an sinh xã hội; trong đó chú trọng việc điều tra, rà soát hộ nghèo, xác định nguyên nhân để có chính sách hỗ trợ phù hợp. Tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trong xác lập hồ sơ và giải quyết chế độ trợ cấp người có công, việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho con liệt sỹ, hỗ trợ xây dựng nhà ở người có công. Có giải pháp hữu hiệu giảm quá tải các bệnh viện tuyến tỉnh, khu vực; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, y tế dự phòng; tăng cường đầu tư nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống y tế cơ sở; tiếp tục có chính sách đãi ngộ, thu hút bác sỹ nhất là ở các bệnh viện đặc thù, tuyến huyện, phân bổ chỉ tiêu giường bệnh phù hợp cho các cơ sở y tế để nâng cao năng lực khám chữa bệnh; điều chỉnh các quy định về hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân miền núi khám chữa bệnh tại các Phòng khám đa khoa khu vực. Rà soát quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2020 để điều chỉnh, bổ sung phù hợp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu chế biến, sản xuất, lưu thông.

7. Triển khai đồng bộ và có hiệu quả Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI và Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả để nâng cao chất lượng đào tạo; phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các trường chất lượng cao; tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo cho các vùng khó khăn và đối tượng chính sách. Chấn chỉnh tình trạng dạy thêm – học thêm. Xây dựng đề án phổ cập bơi lội trong học đường.

Tiếp tục thực hiện chủ trương dành kinh phí từ các nguồn sự nghiệp, tiết kiệm chi và các nguồn có thể huy động được để hỗ trợ các đối tượng là con em người dân tộc cư

trú tại các huyện miền núi, xã miền núi đang theo học tại các trường dân tộc nội trú tỉnh, huyện, bán trú cụm xã, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp theo hệ chính quy, cử tuyển, chương trình sau đại học. Giao UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp khả năng cân đối nguồn; đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng đề án tổng thể về phát triển giáo dục miền núi trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp dạy nghề để có phương án xử lý phù hợp. Nghiên cứu chỉ đạo lồng ghép hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng với Trung tâm Văn hóa thể thao xã đa chức năng để phát huy hiệu quả.

8. Thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 Khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Chú trọng xây dựng văn hóa trong kinh tế, con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Góp phần tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, nghệ thuật, các lễ hội đảm bảo tiết kiệm, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Tập trung xây dựng chiến lược lồng ghép văn hóa và du lịch nhằm phát triển bền vững; gắn phát triển du lịch với bảo tồn văn hóa truyền thống và bảo vệ môi trường; có giải pháp căn cơ để phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh và cả nước.

9. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và kỹ năng nghề để nâng cao năng suất lao động trong từng ngành. Nâng cao chất lượng dạy nghề, liên kết giữa các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong tổ chức dạy nghề và tiếp nhận, sử dụng lao động. Đẩy mạnh chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ trong phát triển sản xuất, chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, phát triển giống cây, con phục vụ sản xuất theo hình thức đơn đặt hàng; tăng tỷ trọng đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn. Xây dựng đề án về phát triển khoa học công nghệ giai đoạn mới trình HĐND tỉnh trong năm 2016.

10. Có lộ trình, kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện đạt mục tiêu theo Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát năng lực, thái độ thực thi pháp luật của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức nhất là trên những lĩnh vực liên quan đến người dân và doanh nghiệp. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá các cơ chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực sớm trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chính sách mới để thu hút nhân lực nhất là trong các lĩnh vực tỉnh có nhu cầu; đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá, đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ.

11. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia. Củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và Biên phòng toàn dân. Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng và an ninh. Nắm tình hình, nâng cao khả năng phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang. Thực hiện giao quân đúng kế hoạch, đủ chỉ tiêu. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ chất lượng; tổ chức huấn luyện, diễn tập

theo kế hoạch. Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế xã hội. Tích cực triển khai các giải pháp phòng, chống các loại tội phạm, đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa đối tượng vi phạm vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng theo quy định.

Tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu gian lận thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm nhất là tại các tuyến, địa bàn trọng điểm.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không để xảy ra trường hợp kết án oan người không phạm tội. Thực hiện tốt công tác thanh tra kinh tế - xã hội, tích cực thu hồi tài sản sai phạm sau thanh tra. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Xử lý hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về giao thông, có giải pháp cụ thể và hiệu quả để giảm tai nạn giao thông. Bảo vệ an toàn tuyệt đối cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Chỉ đạo triển khai nghiêm túc các quy định pháp luật có hiệu lực trong năm 2016 nhất là các nội dung liên quan tổ chức bộ máy chính quyền địa phương, các cơ quan tư pháp.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh theo chức năng của mình tổ chức thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thực hiện thắng lợi các mục tiêu trong năm 2016.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBTVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB - UBTVQH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại QN;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Báo QN, Đài PT-TH QN;
- CPVP, CV;
- Lưu VT, CTHĐ (Hiền).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Quang

Nguyễn Ngọc Quang